

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 18/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H - TỈNH BẠC LIÊU
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **ông Nguyễn Văn Tài**

Các hội thẩm nhân dân:

- 1/. Bà Đỗ Kim Phụng**
- 2/. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh**

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2022/TLST - HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng D, Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Ngày, tháng, năm sinh: **01/10/1974**; tại huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: đường Sinco, khu phố 14, phường Bình Trị Đ, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; Anh chị em: 04 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1984; Họ và tên vợ: Lê Thị Hồng G, sinh năm 1982; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; Bị cáo bị khởi tố ngày 20/6/2006 sau đó bỏ trốn và bị bắt truy nã tạm giữ từ ngày 04/01/2022 đến ngày 07/01/2022 chuyển tạm giam cho đến nay; Tiền án: Vào ngày 10/02/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án nên đã được xóa án tích; Tiền sự: Không có.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phạm Văn Đ, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

3/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

4/ Giả Văn H, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

5/ Lý Siêu C, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

6/ Nguyễn Quốc L, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

7/ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

8/ Lý Thị H, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

9/ Trần Quốc Th, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp Ba Mến, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

10/ Phạm Văn H, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu;

11/ Giả Văn S, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Ấp Ba Mến A, xã An Trạch A, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

(bị cáo Nguyễn Trọng D có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2003 bị cáo Nguyễn Trọng D lập gia đình và sinh sống ở quê vợ tại ấp Thành Th, xã An Tr (nay là xã An Tr A), huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu. Đến khoảng tháng 8/2005 bị cáo D lợi dụng lòng tin của những người dân thiếu hiểu biết trong việc sử dụng các giấy tờ tùy thân, từ đó bị cáo D tự giới thiệu làm được giấy phép lái xe mô tô hạng A1 để sử dụng mà không cần phải qua việc thi lý thuyết và sát hạch. Do có quen biết với người tên Dũng ở thành phố Hồ Chí Minh làm được giấy phép lái xe mô tô giả nên bị cáo đã liên hệ với người tên Dũng rồi thống nhất nhận làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho những người có nhu cầu sử dụng. Cách thức để có giấy phép lái xe mô tô giả bị cáo D yêu cầu cung cấp thông tin cá

nhân, địa chỉ cư trú, 01 giấy chứng minh nhân dân photo và 04 tấm ảnh cỡ 3x4. Sau khi có đầy đủ các thông tin bị cáo D đã nhận làm 05 giấy phép lái xe mô tô giả cho ông Phạm Văn Đ; ông Giả Văn H; ông Giả Văn S; ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn T cùng ngụ ấp Ba Mến A, xã An Trạch (nay là xã An Trạch A), huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, với giá 800.000 đồng/01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả. Do được ông Đỗ nói lại cho biết nên ông Trần Quốc Th ngụ ấp Ba Mến A, xã An Trạch (nay là xã An Trạch A), huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu thông tin cho ông Lý Siêu C ngụ ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu biết. Sau đó ông Cuội nói lại cho ông Phạm Văn H biết nên ông Hùng đã liên hệ cho ông Cuội để làm 03 giấy phép lái xe giả cho ông Nguyễn Quốc L; ông Nguyễn Văn T và bà Lý Thị H cùng ngụ ấp Minh Thìn, xã An Phúc, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu nên ông Cuội gặp bị cáo D để đặt làm 04 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả cho ông Cuội, ông Lâm, ông Tùng và bà Huế với giá 1.200.000 đồng/01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả. Khi nhận được giấy chứng minh nhân dân, 04 ảnh 3x4 bị cáo D gửi cho người tên Dũng tại thành phố Hồ Chí Minh để làm tổng cộng 09 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả. Sau khi làm xong người tên Dũng gửi 09 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả cho bị cáo D để giao lại cho ông Đỗ, ông Toàn, ông Đa, ông Hòa, ông Sơn, ông Cuội, ông Lâm, ông Tùng và bà Huế để sử dụng và bị cáo đã nhận đủ tiền. Đến tháng 6/2006 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu phát hiện thu giữ toàn bộ các giấy phép lái xe mô tô giả để điều tra làm rõ. Nhưng trong quá trình điều tra bị cáo D đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 03/01/2022 bị bắt truy nã

Tại bản kết luận giám định số 35 ngày 19/6/2006 của Tổ chức giám định Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký dưới mục: “TP.Quản Lý SH và Cấp GPLX” dưới đóng dấu tên Dương Tự Lực trên bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Quốc L, số: V602723 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A1); Lý Siêu C, số: V602721 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A2); Lý Thị H, số: V602722 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A3); Nguyễn Văn T, số: V602720 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A4) với các chữ ký mẫu của ông Dương Tự Lực, Trưởng phòng quản lý sát hạch cấp GPLX-Sở GTCC được sử dụng từ ngày 01/3/2003, lưu tại PC21 Bạc Liêu (ký hiệu M1) **là không do cùng một người ký ra**. Hình dấu tròn có nội dung: “SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH TP.HCM” trên bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Quốc L, số: V602723 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A1); Lý Siêu C, số: V602721 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A2); Lý Thị H, số: V602722 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A3); Nguyễn Văn T, số: V602720 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A4) **là hình dấu giả, được in bằng phương pháp in lưới**

Tại bản kết luận giám định số 15 ngày 07/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

1. Bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang tên: Giả Văn H, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 là giấy giả.

2. Bốn phôi “GIẤY PHÉP LÁI XE” tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 là phôi giả.

3. Chữ ký mang tên Dương Tự Lực trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Dương Tự Lực trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 không phải là chữ ký của cùng một người.

4. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3 đóng ra

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh Bạc Liêu đã tạm giữ 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng D. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H đã trả lại cho bị cáo để quản lý sử dụng.

Đối với 08 “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Văn T, Lý Siêu C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn T, Giả Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc L, Lý Thị H. Hiện nay các giấy tờ này đã được kèm theo hồ sơ để xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tại cáo trạng số 33/CT – VKSDH – HS ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H truy tố bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm không thay đổi so với bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng D. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2022.

- Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh Bạc Liêu đã tạm giữ 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang

tên Nguyễn Trọng D. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H đã trả lại cho bị cáo để quản lý sử dụng.

Đối với 08 “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Văn T, Lý Siêu C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn T, Giả Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc L, Lý Thị H. Xét thấy, đây là những chứng cứ, tài liệu kèm theo để xem xét, giải quyết trong vụ án nên không đặt ra để xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Tuy nhiên, theo tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì đã có đầy đủ lời khai của họ. Vì vậy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét các chứng cứ tài liệu khác được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo được thể hiện: Vì động cơ vụ lợi cá nhân và có mối quan hệ quen biết nhau nên từ tháng 8/2005 bị cáo Nguyễn Trọng D đã liên hệ với đối tượng tên Dũng chưa xác định được nhân thân làm 08 giấy phép lái xe mô tô giả cho ông Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Giả Văn H, Lý Siêu C, Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn T và bà Lý Thị H để thu lợi số tiền là 8.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: Tại bản kết luận giám định số 35 ngày 19/6/2006 của Tổ chức giám định Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký dưới mục: “TP.Quản Lý SH và Cấp GPLX” dưới đóng dấu tên Dương Tự Lực trên

bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Quốc L, số: V602723 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A1); Lý Siêu C, số: V602721 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A2); Lý Thị H, số: V602722 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A3); Nguyễn Văn T, số: V602720 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A4) với các chữ ký mẫu của ông Dương Tự Lực, Trưởng phòng quản lý sát hạch cấp GPLX - Sở GTCC được sử dụng từ ngày 01/3/2003, lưu tại PC21 Bạc Liêu (ký hiệu M1) ***là không do cùng một người ký ra.*** Hình dấu tròn có nội dung: “SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH TPHCM” trên bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Quốc L, số: V602723 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A1); Lý Siêu C, số: V602721 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A2); Lý Thị H, số: V602722 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A3); Nguyễn Văn T, số: V602720 đề ngày 12/10/2005 (ký hiệu A4) ***là hình dấu giả, được in bằng phương pháp in lưới.***

Tại bản kết luận giám định số 15 ngày 07/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

1. Bốn “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang tên: Giả Văn H, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 là giấy giả.

2. Bốn phôi “GIẤY PHÉP LÁI XE” tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 là phôi giả.

3. Chữ ký mang tên Dương Tự Lực trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Dương Tự Lực trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 không phải là chữ ký của cùng một người.

4. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3 đóng ra.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Trọng D, đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tương ứng với điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức khởi điểm của khung hình phạt nặng hơn so với điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều

theo Luật số 12/2017/QH14 thì trong trường hợp này để có lợi cho người phạm tội nên áp dụng khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Trọng D.

Do đó, cáo trạng số 33/CT – VKSDH – HS ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H truy tố bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo trong lúc thực hiện hành vi phạm tội, có đầy đủ khả năng nhận thức được rằng chỉ những người đã trải qua kỳ thi sát hạch lái xe thì mới đủ điều kiện để được cấp giấy phép lái xe bởi cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, bị cáo vì động cơ vụ lợi cá nhân, vì sự quen biết giới thiệu với nhau với mong muốn có được giấy phép lái xe mà không phải trải qua kỳ thi sát hạch để được cấp giấy phép lái xe, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có cha, mẹ ruột là ông Nguyễn Trọng Thanh và bà Nguyễn Thị Lý được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và các Huy chương, Huy hiệu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét, phân tích đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại Khoản 4 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định. Ngoài ra, đối với số tiền 8.000.000 đồng bị cáo nhận của những người làm giấy phép lái xe đưa cho bị cáo làm chi phí làm giấy phép lái xe. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã giao lại hết cho đối tượng Dũng, không thu lợi bất chính từ số tiền này. Quá trình điều tra cũng không làm việc được với đối tượng Dũng. Vì vậy,

Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo cũng như không đề cập xử lý đối với số tiền 8.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh Bạc Liêu đã tạm giữ 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng D. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H đã trả lại cho bị cáo để quản lý sử dụng.

Đối với 08 “GIẤY PHÉP LÁI XE” mang các tên Nguyễn Văn T, Lý Siêu C, Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn T, Giả Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Quốc L, Lý Thị H. Xét thấy, đây là những chứng cứ, tài liệu kèm theo để xem xét nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Đối với người tên Dũng mà bị cáo Nguyễn Trọng D khai nhận đã làm 09 giấy phép lái xe giả cho bị cáo nhưng trong quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H chưa làm việc được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi của Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn Đ, Giả Văn H, Giả Văn S, Trần Quốc Th, Phạm Văn H, Lý Siêu C, Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn T và Lý Thị H có dấu hiệu của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên đến nay xét thấy đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hạn xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H không đặt ra xử lý là phù hợp.

Đối với giấy phép lái xe của ông Giả Văn S trong quá trình sử dụng ông Sơn đã làm mất nên không thu hồi được. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H không xác định được đặc điểm đối với giấy tờ này là giả hay thật nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng D đối với giấy tờ này là phù hợp.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[10]. Xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và các vấn đề có liên quan trong vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2022.

2/. Về vật chứng vụ án: Không đặt ra xem xét.

3/. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Trọng D phải chịu 200.000 đồng. Số tiền trên bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND tỉnh BL;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông H;
- THA huyện Đông H;
- Công an huyện Đông H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS vụ án.

Nguyễn Văn Tài